TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **510**/2023/DS-ST;
Ngày: 30/11/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trương Hoàng Hoa**

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Xuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Lê Minh T** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp TP2, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thị Ánh H** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp TP2, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* **Phạm Thị C** - sinh năm 1950;

Địa chỉ: ấp TB1, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- **Nguyễn Thị Ánh H** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp TP2, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H, bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày: Ngày 15/10/2021, anh có cho bà C vay số tiền 25.000.000 đồng. Khi vay, bà C có ký tên vào giấy chứng nhận mượn tiền và hứa trong thời gian 03 tháng, tức ngày 15/01/2022 sẽ hoàn trả tiền cho anh nhưng đến nay bà C vẫn không trả tiền. Nay anh yêu cầu bà C trả anh số tiền 25.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 15/10/2021 đến khi xét xử, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Phạm Thị C trình bày: ngày 15/10/2021, bà có vay của anh T số tiền 25.000.000 đồng. Bà đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng bà trả cho chị H, vợ anh T, trả nhiều lần nhưng bà không nhớ thời gian trả tiền. Khi trả tiền, chị H có ghi tờ giấy theo dõi. Nay anh T yêu cầu bà trả số tiền 25.000.000 đồng và tính lãi thì bà không đồng ý vì hiện nay bà không còn nợ tiền anh T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày: chị là vợ của anh Lê Minh T. Chị biết anh T cho bà C vay tiền. Số tiền 15.000.000 đồng bà C đưa chị để trả anh T là không có, chữ viết trong tờ giấy theo dõi bà C cung cấp cho Tòa án không phải chữ viết của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Minh T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị C trả số tiền vay còn nợ nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị C cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền vay 25.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là anh T cung cấp cho Tòa án "giấy chứng nhận mượn tiền ngày 15/10/2021" có chữ ký của bà C. Bà C thừa nhận có vay tiền của anh T. Do đó, có có đủ cơ sở xác định giữa anh T và bà C có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Bà C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh T. Bà trình bày có vay anh T số tiền 25.000.000 đồng nhưng đã trả rồi, bà trả trước số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng bà đưa chị H, vợ anh T, đưa nhiều lần và mỗi lần lấy tiền thì chị H ghi vào tờ giấy để theo dõi. Bà không nhớ trả tiền vào thời gian nào. Quá trình giải quyết vụ án, bà C cung cấp cho Tòa án bản photo giấy theo dõi trả số tiền 15.000.000 đồng, không cung cấp chứng cứ gì khác. Chị H không đồng ý lời trình bày của bà C, chị không có nhận tiền và chữ viết trong giấy bà C cung cấp cho Tòa không phải chữ viết của chị. Bà C không có ý kiến gì đối với lời trình bày của chị H. Bên cạnh đó, giấy mượn tiền thể hiện bà C vay tiền của anh T vào ngày 15/10/2021 nhưng giấy trả tiền

(bảng photo) bà C ghi ngày vay là ngày 14/10/2021 là không phù hợp. Ngoài ra, bà C không có gì chứng minh bà đã trả cho anh T đủ số tiền 25.000.000 đồng nên lời trình bày của bà C là không có cơ sở. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà C còn nợ anh T số tiền 25.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc bà C có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 25.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: anh T yêu cầu tính lãi số tiền 25.000.000 đồng từ ngày 15/10/2021 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/ tháng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của anh T là có cơ sở nên chấp nhận. Tính lãi số tiền 25.000.000 đồng từ ngày 15/10/2021 đến ngày 30/11/2023 là 25 tháng 15 ngày với số tiền 25.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 25 tháng 15 ngày là 5.291.000 đồng.

[5] Về thời gian trả: Anh T yêu cầu bà C trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra, các đương sự không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

Buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả cho anh Lê Minh T số tiền vốn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 5.291.000 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 30.291.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Bà Phạm Thị C phải chịu 1.515.000 đồng án phí DSST

Hoàn lại cho anh Lê Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 780.625 đồng theo biên lai thu tiền số 0026288 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Phan Thị Cẩm Tiên